

Số: 142/QĐ-UBND

Gia Bình, ngày 19 tháng 6 năm 2019

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng  
nông thôn mới xã Đại Lai, huyện Gia Bình

### ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN GIA BÌNH

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13;
- Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2013/QH13;
- Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ qui định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Căn cứ Quyết định số 24/2017/QĐ-UBND ngày 18/8/2017 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc Ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh;
- Căn cứ các Quyết định của UBND huyện Gia Bình số số 1603/QĐ-UBND ngày 19/12/2011 về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Đại Lai; số 184/QĐ-UBND ngày 25/10/2017 về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Đồ án Quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Đại Lai; số 2086/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch chi tiết Trung tâm xã Đại Lai; số 173a/QĐ-UBND ngày 24/10/2016 về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Đồ án Quy hoạch chi tiết Trung tâm xã Đại Lai; số 104/QĐ-UBND ngày 16/5/2019 của UBND huyện Gia Bình về việc phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Đại Lai, huyện Gia Bình;

Xét Tờ trình số 19/TTr-DA ngày 20/5/2019 của UBND xã Đại Lai " Về việc phê duyệt điều chỉnh Đồ án Quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Đại Lai, huyện Gia Bình"; Báo cáo thẩm định số 155/BCTĐ-KTHT ngày 19/6/2019 của Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Gia Bình V/v thẩm định điều chỉnh Đồ án Quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Đại Lai, huyện Gia Bình,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Đại Lai, huyện Gia Bình với nội dung như sau:

1. Sự cần thiết, mục tiêu của đồ án:

1.1. Lý do và sự cần thiết phải điều chỉnh: Đồ án quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Đại Lai được UBND huyện Gia Bình phê duyệt năm 2011, năm 2017 đã điều chỉnh cục bộ; đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng Trung tâm xã Đại Lai phê duyệt năm 2013, năm 2016 đã điều chỉnh cục bộ. Đến nay cơ cấu và chức năng sử dụng đất của một số khu đất giữa các đồ án là không phù hợp, mặt khác hiện nay trên địa bàn xã có một số dự án đã và đang được đầu tư xây dựng mới chưa được điều

chỉnh quy hoạch, chính vì vậy việc điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Đại Lai, huyện Gia Bình là rất cần thiết.

## 1.2. Mục tiêu:

- Điều chỉnh quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, không gian kiến trúc cảnh quan, sử dụng đất cho phù hợp tình hình sử dụng đất và các dự án đầu tư xây dựng đã và đang thực hiện trên địa bàn xã.

- Cụ thể hoá quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế- xã hội của huyện Gia Bình nói riêng và của tỉnh Bắc Ninh nói chung, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội gắn với quá trình hiện đại hoá nông thôn về sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, phát triển thương mại, dịch vụ.

- Làm tiền đề thuận lợi để triển khai các chương trình và các dự án đầu tư, các điểm dân cư. Đáp ứng nhu cầu về đất ở và dịch vụ cho người dân bị thu hồi đất làm các công trình phúc lợi, tạo đà thúc đẩy quá trình đô thị hoá ở nông thôn,

- Từng bước xây dựng kết cấu hạ tầng khu vực, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân.

- Xây dựng được kế hoạch khai thác và sử dụng quỹ đất một cách hợp lý, tạo ra một môi trường không gian, kiến trúc cảnh quan mới phù hợp với sự phát triển chung của khu vực.

- Làm cơ sở pháp lý cho việc quản lý xây dựng theo quy hoạch được duyệt.

## 2. Phạm vi, vị trí, quy mô, tính chất quy hoạch:

2.1. Phạm vi: Quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Đại Lai được lập cho giai đoạn từ nay đến 2025. Quy hoạch chung được lập trên phạm vi ranh giới địa chính toàn xã.

### 2.2. Vị trí địa lý:

- Phía Bắc: Giáp xã Song Giang;
- Phía Nam: Giáp xã Nhân Thắng;
- Phía Đông: Giáp xã Thái Bảo;
- Phía Tây: Giáp xã Xuân Lai.

### 2.3. Quy mô lập quy hoạch:

- Quy mô diện tích toàn xã là 820,3 ha.

- Quy mô dân số:

+ Năm 2018: 9.962. người;

+ Dự kiến đến năm 2025: 10.755 người (tỷ lệ tăng dân số 1,1%).

2.4. Tính Chất: Là trung tâm hành chính, chính trị, y tế, văn hóa, giáo dục, thể dục thể thao, sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp -TTCN, thương mại - dịch vụ và du lịch.

2.3. Chức năng và chỉ tiêu sử dụng đất: Tuân thủ theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và các Quy chuẩn, tiêu chuẩn về quy hoạch nông thôn hiện hành.

- Đất ở.

- Đất giao thông và hạ tầng kỹ thuật.

- Đất công cộng và thương mại, dịch vụ.

- Đất cây xanh thể thao và đất công viên cây xanh mặt nước.

- Đất sản xuất nông nghiệp và công nghiệp.

3. Cơ cấu sử dụng đất: Quy mô diện tích quy hoạch là 820,3 ha.

Cơ cấu sử dụng đất đến năm 2025 được điều chỉnh theo bảng sau:

STT	Loại đất	Đã phê duyệt		Điều chỉnh	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
1	Đất công trình công cộng	10,79	1,32	8,88	1,08
2	Đất tôn giáo	10,92	1,33	2,27	0,28
3	Đất di tích lịch sử	0	0	9,8	1,19
4	Đất hạ tầng kỹ thuật	91,63	11,17	94,74	11,55
5	Đất cây xanh, TĐTT	5,79	0,71	6,67	0,81
6	Đất dân cư cũ	84,74	10,33	84,74	10,33
	Đất ở quy hoạch mới	7,7	0,94	12,29	1,50
7	Đất phi nông nghiệp	202,36	24,67	211,55	25,79
8	Đất nông nghiệp	401,74	48,97	363,49	44,31
9	Đất dân cư dự trữ	1,1	0,13	20,76	2,53
10	Đất thương mại, dịch vụ	3,56	0,43	4,77	0,58
11	Đất công cộng dự trữ		0,00	0,37	0,05
Tổng		820,33	100	820,33	100,00

#### 4. Nội dung quy hoạch xây dựng nông thôn mới:

##### 4.1. Quy hoạch định hướng phát triển không gian toàn xã:

4.1.1. Quy hoạch các điểm dân cư tập trung: Theo tính toán đến năm 2025, quy mô dân số toàn xã tăng thêm khoảng 793 người thì nhu cầu đất ở cần quy hoạch khoảng 7,79 ha. Quy hoạch đất ở trong các điểm dân cư như sau:

- Thôn Đại Lai: Giữ nguyên và điều chỉnh diện tích quy hoạch 2 điểm dân cư mới, với diện tích quy hoạch khoảng 1,78 ha.

+ Điểm số 1: Vị trí ở phía Đông thôn, với diện tích quy hoạch khoảng 1,50 ha;

+ Điểm số 2: Vị trí ở phía Tây Nam thôn, với diện tích quy hoạch khoảng 0,28 ha.

- Thôn Trung Thành: Giữ nguyên, điều chỉnh diện tích 1 điểm dân cư mới và bổ sung quy hoạch thêm 1 điểm dân cư mới, với diện tích quy hoạch khoảng 2,26 ha.

+ Điểm số 1: Vị trí ở phía Tây Nam thôn, với diện tích quy hoạch khoảng 1,47 ha.

+ Điểm số 2: Vị trí ở phía Nam thôn, với diện tích quy hoạch khoảng 0,79 ha;

- Thôn Huế Đông: Giữ nguyên và điều chỉnh diện tích quy hoạch điểm dân cư mới, với diện tích quy hoạch khoảng 2,38 ha.

- Thôn Phương Triện: Giữ nguyên và điều chỉnh diện tích quy hoạch 2 điểm dân cư mới, với diện tích quy hoạch khoảng 1,37 ha.

+ Điểm số 1: Vị trí ở phía Bắc thôn, với diện tích quy hoạch khoảng 0,48 ha;

+ Điểm số 2: Vị trí ở phía Đông thôn, với diện tích quy hoạch khoảng 0,89 ha.

- Ấp Lai: Ấp Lai do đặc điểm riêng, có tỷ lệ tăng dân số nhỏ nên không phát triển khu dân cư mới mà chỉ chỉnh trang, nâng cấp khu dân cư hiện trạng.

- Khu nhà ở của Công ty Cổ phần Trần Sơn: Vị trí ở phía Tây thôn Phương Triện, với diện tích quy hoạch khoảng 4,5 ha.

- Đất dự trữ dân cư: Dự kiến bổ sung các khu đất ở dự trữ dọc theo ĐT.285 mới, tổng diện tích quy hoạch 20,76 ha.

#### 4.1.2. Quy hoạch mạng lưới các trung tâm:

##### a) Khu trung tâm xã:

Xác định vị trí, quy mô các công trình công cộng của xã đảm bảo theo tiêu chí nông thôn mới. Đề xuất cải tạo, chỉnh trang các công trình hiện có, quy hoạch xây dựng các công trình còn thiếu. Cụ thể:

- Trụ sở UBND: Giữ nguyên vị trí quy hoạch và điều chỉnh mở rộng quy hoạch, với diện tích khoảng 1,25 ha. Tại khu đất này sẽ quy hoạch xây dựng các công trình: Trụ sở xã, Hội trường xã, Công an, BCH quân sự xã.

- Trung tâm Phòng chống thiên tai: Điều chỉnh đất cây xanh trung tâm xã sang đất Trung tâm Phòng chống thiên tai với diện tích khoảng 0,67 ha.

- Nhà văn hóa xã: Giữ nguyên vị trí quy hoạch và điều chỉnh mở rộng quy hoạch, với diện tích khoảng 0,67 ha.

- Trường THCS: Giữ nguyên vị trí cũ hiện nay và điều chỉnh mở rộng quy hoạch vào khu đất trường tiểu học, với diện tích là 0,98 ha.

- Trường tiểu học: Giữ nguyên vị trí cũ hiện nay và điều chỉnh mở rộng quy hoạch, với diện tích khoảng 1,05 ha.

- Trạm y tế xã: Giữ nguyên vị trí cũ hiện nay, với diện tích khoảng 0,15 ha.

- Trường mầm non: Giữ nguyên vị trí theo quy hoạch chi tiết Khu trung tâm xã và điều chỉnh mở rộng quy hoạch, với diện tích khoảng 1,35 ha.

- Bu điện văn hóa xã: Giữ nguyên vị trí cũ hiện nay, với diện tích khoảng 0,02 ha.

- Nghĩa trang liệt sĩ: Giữ nguyên vị trí cũ hiện nay và điều chỉnh mở rộng quy hoạch, với diện tích khoảng 0,27 ha.

- Sân thể thao: Điều chỉnh vị trí quy hoạch về phía Đông Nam khu trung tâm xã, tiếp giáp với trường mầm non, với diện tích khoảng 1,91 ha.

- Chợ: Điều chỉnh vị trí quy hoạch về phía Tây Nam khu trung tâm xã, với diện tích khoảng 1,41 ha.

- Đất thương mại – dịch vụ: Điều chỉnh vị trí và quy hoạch mới 2 khu đất thương mại, dịch vụ, với tổng diện tích khoảng 3,36 ha.

##### b) Khu trung tâm các thôn:

- Thôn Đại Lai: Giữ nguyên quy hoạch, với diện tích nhà văn hóa là 0,79 ha và khu thể dục thể thao, cây xanh là 0,77 ha.

- Thôn Trung Thành: Giữ nguyên quy hoạch, với diện tích nhà văn hóa là 0,62 ha và khu thể dục thể thao, cây xanh là 0,46 ha.

- Thôn Huề Đông: Giữ nguyên quy hoạch, với diện tích nhà văn hóa là 0,51 ha và khu thể dục thể thao, cây xanh là 0,46 ha.

- Thôn Phương Triện: Giữ nguyên quy hoạch, với diện tích nhà văn hóa là 0,73 ha và khu thể dục thể thao, cây xanh là 0,33 ha.

- Ấp Lai: Bổ sung quy hoạch nhà văn hóa tại vị trí phía Tây Nam Ấp Lai, với diện tích khoảng 0,2ha.

##### c) Quy hoạch các khu vực sản xuất :

- Giữ nguyên các khu quy hoạch sản xuất lúa nước, nuôi trồng thủy sản, trồng rau sạch, trồng cây màu, với tổng diện tích khoảng 363,49 ha.

- Khu vực sản xuất tiểu thủ công nghiệp: Giữ nguyên quy hoạch bãi tập kết vật liệu ở khu đất bãi ngoài đê sông Đuống, với diện tích khoảng 2,2 ha. Điều chỉnh vị trí và mở rộng diện tích quy hoạch khu tiểu thủ công nghiệp với diện tích 6,31 ha ở vị trí phía Tây Nam thôn Ấp Lai.

d) Quy hoạch các khu đất chức năng khác:

- Cây xanh: Cây xanh được quy hoạch tại các vị trí phù hợp như khu vực Trung tâm xã; khu vực cách ly của khu nghĩa trang, nghĩa địa. Ngoài ra tại các vị trí quy hoạch dân cư mới, cây xanh sẽ được bố trí hợp lý, hiệu quả đảm bảo theo quy định. Tại vị trí Trung tâm công cộng thôn sẽ xây dựng khu cây xanh công viên tập trung.

- Giữ nguyên vị trí quy hoạch khu di tích lịch sử Lê Chi Viên và điều chỉnh mở rộng quy hoạch về phía Tây khu đất, với diện tích 9,8ha.

- Quy hoạch khu nghề hiện có của thôn Đại Lai, với diện tích 0,42ha.

- Giữ nguyên vị trí quy hoạch chùa thôn Phương Triện và điều chỉnh mở rộng quy hoạch về phía Nam khu đất, với diện tích 0,26ha.

- Quy hoạch khu văn chi hiện có của thôn Phương Triện, với diện tích 0,06ha.

4.2. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật :

4.2.1. Quy hoạch giao thông :

a) Giao thông đối ngoại: Có tuyến ĐT.284 (đê sông Đuống), tuyến ĐT.285 cũ, tuyến ĐT.285 mới, tuyến ĐT.282B, tuyến kênh Bắc đi qua địa bàn xã, mặt cắt các tuyến đường:

- Tuyến ĐT.285 cũ có mặt cắt ngang 13,0 m.

- Tuyến ĐT.285 mới có mặt cắt ngang 27,0 m.

- Tuyến đường dọc theo bờ Bắc kênh có mặt cắt ngang 14,0m.

- Tuyến ĐT.282B có mặt cắt ngang 56,0 m.

- Tuyến ĐT.284 (đê sông Đuống) có mặt cắt ngang 22,5 m.

b) Giao thông đối nội: Trung tâm xã được chuyển ra vị trí mới, bám sát tuyến đường TL285. Tổ chức thêm 1 số tuyến đường liên khu, liên thôn để thuận tiện trao đổi, giao lưu giữa các xã.

- Trục chính đi qua trung tâm xã mặt cắt ngang 22,5m.

- Các trục phụ đi qua khu trung tâm xã và các tuyến đường trong khu ở mới có mặt cắt ngang 14,5 m.

- Các trục đường trong khu ở cũ chính trang đảm bảo mặt cắt là (6,0 – 10,0)m.

- Các tuyến đường nội đồng chính phải được cứng hóa, mặt cắt ngang  $\geq 5,0$ m, bờ thửa (1,5-2,0)m.

4.2.2. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật:

a) Cốt cao độ: Đồ án quy hoạch chung sử dụng bản đồ giải thửa chưa có cốt cao độ chuẩn, do vậy khi lập quy hoạch chi tiết phải khảo sát và căn cứ vào cao độ hiện trạng khu vực, đồng thời cần cập nhật cao độ các dự án đã cấp để tránh chồng lấn và chèn nhau về cao độ san nền.

b) San nền: Quy hoạch san nền phải đảm bảo yêu cầu đảm bảo thoát nước tốt trong quá trình đưa công trình vào sử dụng; tận dụng địa hình tự nhiên, hạn chế khối



lượng đất san lấp, đào đắp, giữ nguyên lớp đất màu; san nền theo nguyên tắc nước mặt có thể thoát tự chảy từ trong các lô đất ra bên ngoài.

c) Quy hoạch thoát nước mưa:

- Hệ thống thoát nước mưa của xã tận dụng địa hình tự nhiên, có hướng dốc chính theo hướng Bắc- Nam. Toàn bộ nước mặt được thu bằng hệ thống công BTCT, cống tròn hoặc cống hộp được bố trí ở hè của các tuyến đường rồi được thoát ra hệ thống kênh tiêu và hệ thống ao hồ của xã.

- Do đặc điểm bố trí dân cư và sản xuất. Quy hoạch thoát nước mưa chủ yếu dựa trên quy hoạch hệ thống công trình thủy lợi. Hướng thoát nước chính bao gồm:

+ Thôn Đại Lai thoát ra kênh tiêu N29.

+ Thôn Phương Triện, Trung Thành, Huế Đông, Ấp Lai được thoát qua kênh dẫn ra sông Đoàn.

+ Một phần thôn Huế Đông được thoát ra mạng lưới mương phục vụ cho nông nghiệp.

4.2.3. Quy hoạch cấp nước: Nguồn nước lấy từ nhà máy nước sạch đã được xây dựng nằm ở phía Bắc khu trung tâm xã, với đường ống dẫn chính có D140 đáp ứng với chỉ tiêu cấp nước 100lít/người/ng.đ.

4.2.4. Quy hoạch cấp điện: Quy hoạch mới ở các vị trí phù hợp một số trạm biến áp có tổng công suất 1.850 kVA, phục vụ cho khu trung tâm xã và các điểm dân cư. Bổ sung nâng công suất và cải tạo trạm biến áp thuộc Ấp Lai nên công suất 800 kVA để phục vụ sinh hoạt và khu tiểu thủ công nghiệp được quy hoạch.

4.2.5. Quy hoạch thoát nước:

- Đối với khu vực làng xóm cũ: Hầu hết các tuyến đường trong các thôn rất chật hẹp, hệ thống thoát nước chỉ là tự chảy hoặc các rãnh nhỏ thu nước đổ ra các kênh mương, ao hồ tự nhiên. Do vậy trong các khu dân cư hiện hữu kiến nghị các cấp có thẩm quyền sớm nghiên cứu đầu tư kinh phí lập riêng dự án xây dựng hệ thống thoát nước bản.

- Đối với các khu ở mới: Sử dụng hệ thống thoát nước chung (cả nước mặt và nước thải) bằng các hệ thống rãnh thu nước xây gạch sau các dãy nhà đổ ra hệ thống công BTCT đặt ngầm dưới hè các tuyến đường.

- Nước thải trong khu vực bao gồm 2 loại: Nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất. Nước thải sản xuất được xử lý riêng; nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý cục bộ đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh cho phép được thoát nước vào hệ thống thoát nước chung.

- Tỷ lệ thu gom nước thải tối thiểu đạt 80% lượng nước cấp;

- Tiêu chuẩn nước thải sinh hoạt phải phù hợp với quy định trong Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

4.2.6. Quy hoạch chất thải và vệ sinh môi trường:

- Rác thải ở các thôn được thu gom và được chuyển đến bãi xử lý rác thải chung của huyện tại xã Cao Đức.

- Nghĩa trang: Các nghĩa trang nằm rải rác ở các thôn không phát triển mở rộng mà tạm thời chôn cất và được cải tạo chính trang thành các khu khuôn viên cây xanh đảm bảo cảnh quan và môi trường. Giữ nguyên quy hoạch ba khu nghĩa trang tập trung cho toàn xã: Khu thứ nhất ở vị trí phía Tây Nam thôn Đại Lai, quy mô diện tích khoảng 3,36 ha; khu thứ hai ở vị trí phía Nam kênh Bắc, phía Đông Bắc khu nhà ở

của Công ty Cổ phần Trần Sơn, quy mô diện tích khoảng 3,1 ha; khu thứ ba nằm ở vị trí phía Đông thôn Huệ Đông, quy mô diện tích khoảng 0,65 ha.

**4.2.7. Quy hoạch các công trình sản xuất và phục vụ sản xuất:**

- Hệ thống kênh mương tưới tiêu đã một phần được kiên cố hóa, quy hoạch thêm một số tuyến kênh tưới để thuận tiện cho việc sản xuất. Cứng hóa một số tuyến kênh tưới tiêu kết hợp để đảm bảo tiêu thoát nước về mùa mưa và tưới về mùa khô.

- Hệ thống giao thông nội đồng: Cứng hoá các tuyến đường nội đồng, đồng thời xây dựng thêm hệ thống kênh tưới tiêu dọc theo các tuyến đường nội đồng với mặt cắt ngang các tuyến đường nội đồng chính  $\geq 5,0\text{m}$ , bờ thừa (1,5-2,0)m.

**4.3. Quy hoạch sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu:** Theo quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng hàng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

**5. Quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch:** Theo Điều lệ quản lý quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Đại Lai, huyện Gia Bình ban hành kèm theo quyết định này.

**6. Kinh phí quy hoạch:** 139.505.000 đồng.

(Một trăm ba mươi chín triệu, năm trăm linh lăm nghìn đồng)

Trong đó:

- Chi phí lập đồ án quy hoạch: 94.000.000 đồng;
- Chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch: 13.254.000 đồng;
- Thuế VAT: 10.725.000 đồng;
- thẩm định đồ án: 11.562.000 đồng;
- Quản lý nghiệp vụ đồ án: 9.964.000 đồng.

**Điều 2.** Giao UBND xã Đại Lai chủ trì phối hợp với các Phòng, Ban có liên quan tổ chức công bố công khai quy hoạch; cắm mốc quy hoạch ngoài thực địa theo đồ án được phê duyệt theo các quy định hiện hành; quản lý việc đầu tư xây dựng theo đúng quy hoạch, xác định các dự án cấp bách cần ưu tiên để đầu tư xây dựng trình cấp thẩm quyền phê duyệt.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các đơn vị: Văn phòng HĐND - UBND huyện; Phòng Kinh tế và Hạ tầng, Phòng Tài nguyên & MT, Phòng Nông nghiệp & PTNN huyện; các ngành có liên quan; UBND xã Đại Lai căn cứ quyết định thi hành./

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Sở Xây dựng Bắc Ninh;
- TT Huyện Ủy, HĐND huyện (B/C);
- CT, các PCT UBND huyện;
- Ban chỉ đạo XDNTM huyện;
- Công Thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT.

**TM. UBND HUYỆN  
CHỦ TỊCH**



**Lê Tuấn Hồng**

